

Số: /QĐ – SYT

Bình Phước, ngày tháng 10 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa Vũ Anh**

### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT – BHYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT – BHYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng Đoàn thẩm định Sở Y tế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa Vũ Anh (Số GPXH: 200/BP-GPHĐ cấp ngày 05/02/2020; Địa chỉ: ấp 7, xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước) như sau:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở trước đây: Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, Y học cổ truyền và 02 bộ phận: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn mới của cơ sở: Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt và 02 bộ phận: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.

**Điều 2.** Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa Vũ Anh gồm: **112** kỹ thuật chuyên khoa Răng Hàm Mặt (có Danh mục đính kèm).

**Điều 3:** Phòng khám đa khoa Vũ Anh phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cho phép và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

**Điều 4.** Các Ông, bà Trưởng/phó phòng Nghiệp Vụ; Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Phòng khám đa khoa Vũ Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND huyện Bù Đốp;
- TTYT huyện Bù Đốp;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T19.10).

**GIÁM ĐỐC**

**DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG**

**Trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám đa khoa Vũ Anh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 10 năm 2023  
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

**MỤC LỤC**

STT	Nội dung	Số lượng kỹ thuật theo Thông tư 43
XVI	Răng – Hàm – Mặt	112

<b>XVI. RĂNG - HÀM - MẶT</b>						
STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		<b>A. RĂNG</b>				
1	39.	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		
2	40.	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x		
3	41.	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
4	42.	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
5	43.	Lấy cao răng	x	x	x	x
6	44.	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x		
7	46.	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
8	52.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		
9	53.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		

10	54.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	x	x		
11	56.	Chụp tủy bằng MTA	x	x		
12	57.	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	x	x	x	
13	58.	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	x	x		
14	59.	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
15	60.	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	x	x		
16	61.	Điều trị tủy lại	x	x		
17	64.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser	x			
18	65.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser	x			
19	66.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x			
20	67.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement(GIC) kết hợp Composite	x	x		
21	68.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
22	69.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
23	70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
24	71.	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	
25	72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
26	73.	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x	
27	74.	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x			
28	75.	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser	x			
29	76.	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay	x	x		
30	77.	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau	x	x		
31	78.	Veneer Composite trực tiếp	x	x		

32	79.	Tẩy trắng răng tùy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
33	80.	Tẩy trắng răng tùy sống bằng Laser	x	x		
34	81.	Tẩy trắng răng nội tùy	x	x		
35	82.	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	x	x	x	
36	83.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
37	84.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
38	104.	Chụp nhựa	x	x	x	
39	105.	Chụp kim loại	x	x	x	
40	106.	Chụp hợp kim thường cần nhựa	x	x	x	
41	107.	Chụp hợp kim thường cần sứ	x	x	x	
42	108.	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
43	109.	Chụp sứ toàn phần	x	x	x	
44	110.	Chụp kim loại quý cần sứ	x	x	x	
45	111.	Chụp sứ Cercon	x	x		
46	112.	Cầu nhựa	x	x	x	
47	113.	Cầu hợp kim thường	x	x	x	
48	114.	Cầu kim loại cần nhựa	x	x	x	
49	115.	Cầu kim loại cần sứ	x	x	x	
50	116.	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
51	117.	Cầu kim loại quý cần sứ	x	x	x	
52	118.	Cầu sứ toàn phần	x	x	x	
53	119.	Cầu sứ Cercon	x	x		
54	120.	Chốt cùi đúc kim loại	x	x		
55	121.	Cùi đúc Titanium	x	x		
56	122.	Cùi đúc kim loại quý	x	x		
57	123.	Inlay/Onlay kim loại	x	x		
58	124.	Inlay/Onlay hợp kim Titanium	x	x		
59	125.	Inlay/Onlay kim loại quý	x	x		
60	126.	Inlay/Onlay sứ toàn phần	x	x		
61	127.	Veneer Composite gián tiếp	x	x	x	
62	128.	Veneer sứ toàn phần	x	x	x	
63	129.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x
64	130.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
65	131.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
66	132.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
67	133.	Hàm khung kim loại	x	x	x	
68	134.	Hàm khung Titanium	x	x		

69	137.	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
70	138.	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
71	139.	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
72	140.	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
73	141.	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
74	142.	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
75	194.	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	x	x		
76	195.	Máng nâng khớp cắn	x	x		
77	196.	Mài chỉnh khớp cắn	x			
78	199.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
79	203.	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
80	204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
81	205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
82	206.	Nhổ răng thừa	x	x	x	
83	209.	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
84	213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
85	214.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
86	215.	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
87	220.	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
88	221.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
89	222.	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp	x	x	x	
90	223.	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	x	x	x	
91	224.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
92	225.	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
93	226.	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
94	227.	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement	x	x	x	x
95	228.	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
96	229.	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x	
97	230.	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
98	231.	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
99	232.	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
100	233.	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x	
101	234.	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x	

102	235.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
103	236.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
104	237.	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	
105	238.	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
106	239.	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
107	240.	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
108	241.	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x
		<b>B. HÀM MẶT</b>				
109	298.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
110	300.	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
111	301.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
112	335.	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	